TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 81/2023/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn D, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Văn D và chị Lò Thị H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Hà Văn D và chị Lò Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh D, chị H có 03 con chung là cháu Hà Như Q sinh ngày 26/9/2011, cháu Hà Ngọc V sinh ngày 30/5/2014 và cháu Hà Đức V1 sinh ngày 29/11/2016.

Giao cháu Hà Như Q, Hà Ngọc V và Hà Đức V1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Q, V, V1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Anh D, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung vợ cH: Không có

đ. Về án phí: Anh Hà Văn D, chị Lò Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã MB;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân